

Số: /STC-QLNS&TH
V/v trình tự thực hiện, hồ sơ,
chứng từ thanh, quyết toán một
số nội dung thuộc nguồn vốn sự
nghiệp 03 Chương trình MTQG

Hà Giang, ngày tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của trung ương, của tỉnh liên quan đến việc quản lý, sử dụng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Sở Tài chính hướng dẫn về trình tự thực hiện và hồ sơ, chứng từ thanh toán, quyết toán của một số nội dung chi thuộc nguồn vốn sự nghiệp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (CTMTQG giảm nghèo bền vững)

a) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN:

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

b) Chứng từ quyết toán:

- Quyết định phê duyệt danh sách các hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở và mức hỗ trợ của UBND cấp huyện.

- Quyết định giao dự toán kinh phí của UBND cấp huyện và cấp xã.

- Cam kết thực hiện xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo và đăng ký với UBND cấp xã đề nghị cung ứng vật liệu xây dựng để xây mới hoặc sửa chữa nhà ở (nếu có nhu cầu); đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở.

- Biên bản nghiệm thu, xác nhận hoàn thành các phần công việc theo giai đoạn (thành phần gồm: UBND cấp xã, đại diện UBMTTQ cấp xã, Trưởng thôn hoặc Bí thư chi bộ, đại diện hộ gia đình nghèo, cận nghèo được hỗ trợ).

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công trình (hoàn thành xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo) đưa vào sử dụng (thành phần gồm: UBND cấp xã, đại diện UBMTTQ cấp xã, đại diện thôn (Trưởng thôn hoặc Bí thư chi bộ), đại diện hộ gia đình nghèo, cận nghèo được hỗ trợ).

- Phiếu chi hoặc chuyển khoản vào tài khoản giao dịch của chủ hộ (đúng họ và tên theo danh sách được phê duyệt) kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận

nghèo kèm theo danh sách chi tiền có ký nhận của hộ gia đình được hỗ trợ (theo từng lần hỗ trợ nếu hỗ trợ bằng tiền mặt).

- Trường hợp hộ gia đình đăng ký với UBND cấp xã đề nghị cung ứng vật liệu hoặc trực tiếp hợp đồng hỗ trợ hộ gia đình xây mới hoặc sửa chữa nhà ở thì chứng từ quyết toán chi phí nhân công, mua vật liệu cung ứng cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới hoặc sửa chữa nhà ở gồm có: hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu vật liệu, biên bản thanh lý hợp đồng, giấy biên nhận,...

c) Về mục lục quyết toán chi ngân sách: Hạch toán mục 7450, tiểu mục 7454.

UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo cùng với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và chế độ kế toán tài chính - ngân sách xã.

2. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất (áp dụng cho 03 CTMTQG)

2.1. Nguyên tắc chung

(1) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(2) Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 6, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.

(3) Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

(4) Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

(5) Trên cơ sở dự án được phê duyệt, việc thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

2.2. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất

- Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; **không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất**. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung, mức chi cụ thể như sau:

+ Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, mô hình: Nội dung và mức chi theo quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5 và 6 - Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính;

+ Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án, mô hình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

- Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi khác về quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (nếu có): Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành hoặc theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình quyết định.

2.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Trình tự các bước triển khai thực hiện:

(1) Thông báo kế hoạch thực hiện

Cơ quan chủ quản hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản theo ủy quyền thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

(2) Khảo sát, lựa chọn xây dựng dự án, kế hoạch liên kết:

- Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát, đơn vị chủ trì liên kết họp bàn với các hộ dân dự kiến thống nhất nội dung triển khai của dự án, hình thức liên kết và địa bàn, phạm vi triển khai.

- Căn cứ kết quả thống nhất với các hộ dân tham gia dự án, đơn vị chủ trì liên kết lập đề xuất hồ sơ dự án/kế hoạch đề nghị thẩm định hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Đơn vị chủ trì liên kết gửi dự án, kế hoạch liên kết:

+ Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, các ngành, nghề, lĩnh vực khác: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ (bản gốc) đến Sở Nông

ng nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì) thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (đối với dự án, kế hoạch thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh); Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế (cơ quan chủ trì) thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với dự án, kế hoạch thuộc phạm vi quản lý cấp huyện).

+ Dự án, kế hoạch liên kết vùng trồng dược liệu quý: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ (bản gốc) đến Phòng Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì) thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Lưu ý:

- Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác theo Mẫu số 01, 02, 03 - Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang;

- Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết vùng trồng dược liệu quý theo mục I, II - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT của Bộ Y tế.

(3) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết:

- Thành lập Hội đồng thẩm định theo bước 3, Khoản 4, Điều 2 - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND tỉnh.

- Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết: Thực hiện theo quy định tại Khoản 12, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó lưu ý:

+ Nội dung thẩm định phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 12, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Đánh giá về năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; quy mô liên kết, hình thức liên kết.

+ Khi thẩm định phải xác định về hiện trạng (Giấy CN quyền sử dụng đất, diện tích đất, cơ sở vật chất, chuồng trại, nhân lực...) và khả năng tham gia dự án của các hộ dân đăng ký tham gia dự án, kế hoạch liên kết.

+ Thẩm định chi tiết từng nội dung của dự án, kế hoạch liên kết, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí theo quy định, đơn giá vật tư, cây, con giống; tính hiệu quả, phù hợp của dự án; nêu rõ căn cứ, cơ sở để thẩm định nội dung triển khai của dự án; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (phần NSNN hỗ trợ, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của các bên liên kết, vốn tín dụng...); phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ NSNN (nếu có)...

Lưu ý: Đối với định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản áp dụng theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh.

- Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phải đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 12, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

(4) Triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết:

- Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết, quyết định giao dự toán kinh phí của cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. Trong hợp đồng phải quy định rõ trách nhiệm của các bên và điều khoản về chế tài xử lý thu hồi vốn hỗ trợ từ NSNN trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

- Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất có trách nhiệm kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trong thời gian thực hiện Hợp đồng (bao gồm các hoạt động từ các nguồn vốn theo dự án được phê duyệt).

- Căn cứ tiến độ triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết và đề nghị của đơn vị chủ trì liên kết để nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết. Khi nghiệm thu, đơn vị chủ trì liên kết phải có các hồ sơ, chứng từ, hóa đơn chứng minh các nội dung đã thực hiện.

- Căn cứ kết quả nghiệm thu, cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất giải ngân thanh toán vốn NSNN hỗ trợ thực hiện dự án cho đơn vị chủ trì liên kết theo tiến độ thực hiện.

- Kết thúc dự án, kế hoạch liên kết: Cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nghiệm thu kết quả thực hiện của dự án, đánh giá chi tiết các nội dung theo dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các hoạt động từ các nguồn vốn theo dự án được phê duyệt); thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh toán số kinh phí NSNN hỗ trợ còn lại (nếu có). Trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có) thực hiện đúng chế tài xử lý và thu hồi vốn hỗ trợ từ NSNN theo nội dung hợp đồng đã ký.

b) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Mức hỗ trợ 1 dự án theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh cụ thể:

+ Chương trình MTQG xây dựng NTM: Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh;

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: Hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ **thông qua đơn vị chủ trì liên kết.**

c) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN:

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

d) Chứng từ quyết toán:

- Thông báo kế hoạch thực hiện của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản theo ủy quyền.

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án/KH liên kết kèm theo: Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định, trong đó xác định về hiện trạng và khả năng tham gia dự án của các hộ dân đăng ký tham gia dự án, kế hoạch liên kết;

- Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý kèm theo Dự án/KH liên kết do đơn vị chủ trì liên kết lập.

- Quyết định giao dự toán kinh phí của UBND cấp tỉnh/cấp huyện.

- Hợp đồng ký kết giữa cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ với đơn vị chủ trì liên kết.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo từng năm hoặc giai đoạn của dự án, kế hoạch liên kết (thành phần gồm: cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn; đơn vị chủ trì liên kết, đại diện UBND cấp huyện, cấp xã nơi triển khai dự án, đại diện Hội đồng thẩm định dự án, đại diện UBMTTQ cấp xã nơi triển khai dự án).

- Biên bản nghiệm thu, xác nhận hoàn thành dự án, kế hoạch liên kết khi kết thúc (thành phần gồm: cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn; đơn vị chủ trì liên kết, đại diện UBND cấp huyện, cấp xã nơi triển khai dự án, đại diện Hội đồng thẩm định dự án, đại diện UBMTTQ cấp xã nơi triển khai dự án).

- Biên bản thanh lý hợp đồng giữa cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất với đơn vị chủ trì liên kết khi kết thúc dự án, kế hoạch liên kết.

- Ủy nhiệm chi hoặc Phiếu chi tiền hỗ trợ từ NSNN cho đơn vị chủ trì liên kết theo từng lần nghiệm thu, thanh toán kèm danh sách chi trả kinh phí NSNN hỗ trợ cho các hộ dân tham gia dự án, kế hoạch liên kết (có đầy đủ chữ ký nhận tiền).

đ) Về mục lục quyết toán chi NSNN: Hạch toán mục 7100, tiểu mục 7149.

Đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện dự án cùng với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; yêu cầu thuyết minh rõ về các nội dung quyết toán, chi tiết về số dự án, kế hoạch liên kết, tổng giá trị đầu tư được phê duyệt thực hiện dự án, kế hoạch liên kết (chi tiết phần NSNN hỗ trợ; phần vốn còn lại)...

2.4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Trình tự các bước triển khai thực hiện:

(1) Thông báo kế hoạch thực hiện:

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

(2) Lựa chọn, xây dựng dự án, phương án:

Đại diện cộng đồng dân cư đề xuất với UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng dự án, phương án cụ thể:

- Khảo sát điều kiện của từng hộ gia đình đáp ứng yêu cầu tham gia dự án, phương án: Tổ chức họp thôn để các hộ dân căn cứ điều kiện thực tế của gia đình đăng ký tham gia dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (thống nhất về nội dung, phạm vi triển khai dự án, cử thành viên là đại diện tổ, nhóm cộng đồng, nhu cầu của các hộ tham gia).

- Căn cứ kết quả họp thống nhất với các hộ dân, đại diện cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, hồ sơ bao gồm: Biên bản họp dân, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí hoạt động của dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ NSNN chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ NSNN (nếu có); dự kiến kết quả thực hiện dự án; tỷ lệ và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng; nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật; các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro, nội dung khác (nếu có).

- Căn cứ dự án, phương án sản xuất của Tổ, nhóm cộng đồng xây dựng, UBND cấp xã rà soát điều kiện thực tế của từng hộ và nhu cầu đăng ký của các hộ dân dự kiến tham gia (về diện tích trồng trọt, chăn nuôi, chuồng trại, lao động, nhu cầu chăn nuôi của từng hộ, nguồn cung ứng cây, con trên địa bàn, cơ sở dịch vụ...); tính khả thi, hiệu quả của dự án.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, hướng dẫn của UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án: Tổ, nhóm cộng đồng hoàn thiện lại dự án, phương án gửi UBND xã.

- UBND cấp xã tổng hợp hồ sơ gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (cơ quan chủ trì) thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thẩm định.

Lưu ý: Mẫu hồ sơ theo phụ lục II (Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05) kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND tỉnh.

(3) Thẩm định dự án, phương án:

- Thành lập Tổ thẩm định theo quy định tại bước 3, Khoản 4, Điều 3, Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND tỉnh.

- Thẩm định dự án, phương án: Thực hiện theo quy định tại Khoản 13, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó lưu ý:

- + Nội dung thẩm định phải cụ thể việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 13, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Khi thẩm định phải đánh giá rõ về hiện trạng (diện tích đất, chuồng trại, nhân lực, cơ sở vật chất...) và khả năng tham gia dự án của các hộ dân đăng ký tham gia dự án, phương án.

+ Thẩm định chi tiết từng nội dung của dự án, phương án: căn cứ định mức kỹ thuật, tiêu chuẩn, về số lượng, trọng lượng, đơn giá,...; nhu cầu thực tế của các hộ dân tham gia; tính phù hợp và hiệu quả của dự án, phương án; thẩm định về tỷ lệ thu hồi của các dự án; nêu rõ căn cứ, cơ sở để thẩm định nội dung triển khai của dự án; dự toán kinh phí chi tiết, nguồn kinh phí thực hiện (NSNN, các nguồn đối ứng của hộ gia đình,...); mức hỗ trợ; dự kiến hiệu quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm, đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống,... đề xuất hỗ trợ từ NSNN (nếu có); tỷ lệ và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng; nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật; giải pháp tài chính xử lý rủi ro; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết...

Lưu ý: Về định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản áp dụng theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh.

- Quyết định phê duyệt dự án, phương án phải đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 13, Điều 1 - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

(4) Triển khai thực hiện dự án, phương án:

- Căn cứ quyết định giao dự toán kinh phí; quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của UBND cấp huyện: UBND cấp xã ký hợp đồng với đại diện Tổ nhóm cộng đồng triển khai thực hiện dự án, phương án. Trong hợp đồng phải quy định rõ trách nhiệm của các bên và điều khoản về tỷ lệ, thời gian thu hồi vốn quay vòng.

- UBND cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án, phương án trong thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Căn cứ tiến độ triển khai thực hiện dự án, phương án và đề nghị của Tổ nhóm cộng đồng để nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất (Thành phần gồm: đại diện UBND cấp xã, đại diện Tổ nhóm cộng đồng, Trưởng thôn/Bí thư Chi bộ nơi dự án, phương án sản xuất triển khai, đại diện tổ chức chính trị - xã hội cấp xã).

- Căn cứ kết quả nghiệm thu, UBND cấp xã giải ngân thanh toán vốn NSNN hỗ trợ thực hiện dự án, phương án cho Tổ nhóm cộng đồng (*bao gồm các chi phí thực hiện từ các nguồn theo dự án, phương án được phê duyệt*).

- Kết thúc dự án, phương án: UBND cấp xã nghiệm thu kết quả thực hiện, đánh giá chi tiết các nội dung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh toán số kinh phí NSNN hỗ trợ còn thiếu (nếu có) cho Tổ nhóm cộng đồng.

b) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

Mức hỗ trợ 1 dự án theo quy định tại Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh: tối đa **không quá 01 tỷ đồng**.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ **thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn**.

* Lưu ý:

Tại mục 5, Khoản 1, phần V - Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "*Hài hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; **ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.***"

Tại tiết 4, điểm c, khoản 3, phần V - Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "*Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; **ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng***"

Như vậy đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng thuộc các hoạt động, nội dung đầu tư trong cùng dự án, tiểu dự án của cùng một Chương trình, chỉ được hưởng một hoạt động, nội dung hỗ trợ, trong đó: ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn.

Do nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đều thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Dự án 2 của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Vì vậy trong trường hợp cùng một đối tượng thụ hưởng, trên cùng một địa bàn sẽ không được hỗ trợ đồng thời cho cả hai nội dung: hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

c) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN:

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

d) Chứng từ quyết toán:

- Thông báo kế hoạch thực hiện của cơ quan, đơn vị được giao vốn.

- Biên bản họp thôn đề xuất dự án phát triển sản xuất, trong đó thống nhất về nội dung của dự án, phương án sản xuất và địa bàn, phạm vi triển khai.

- Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất của UBND cấp huyện/Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện/Chủ tịch UBND cấp xã.

- Quyết định giao dự toán kinh phí của UBND cấp huyện.

- Hợp đồng giữa UBND cấp xã ký với đại diện Tổ nhóm cộng đồng.

- Biên bản nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án (thành phần gồm: Đại diện Tổ thẩm định dự án, phương án; UBND cấp xã; Tổ nhóm cộng đồng, đại diện UBMTTQ cấp xã nơi triển khai dự án, Trưởng thôn hoặc Bí thư chi bộ thôn nơi triển khai dự án, phương án).

- Biên bản nghiệm thu, xác nhận hoàn thành dự án, phương án khi kết thúc (thành phần gồm: Đại diện Tổ thẩm định dự án, phương án; UBND cấp xã; Tổ nhóm cộng đồng, đại diện UBMTTQ cấp xã nơi triển khai dự án, Trưởng thôn hoặc Bí thư chi bộ thôn nơi triển khai dự án, phương án).

- Biên bản thanh lý hợp đồng giữa UBND cấp xã với đại diện Tổ nhóm cộng đồng khi kết thúc dự án, phương án.

- Phiếu chi tiền mặt hoặc chuyển khoản kinh phí hỗ trợ từ NSNN cho đại diện Tổ nhóm cộng đồng theo từng lần nghiệm thu, thanh toán kèm danh sách chi trả kinh phí NSNN hỗ trợ cho các hộ dân tham gia dự án, phương án (có đầy đủ chữ ký của hộ dân tham gia).

đ) Về mục lục quyết toán chi ngân sách:

- Kinh phí hỗ trợ Tổ nhóm cộng đồng thực hiện dự án, phương án: Hạch toán mục 7100, tiểu mục 7149.

- Chi phí quản lý dự án, phương án (UBND cấp xã chi): Hạch toán mục chi tương ứng theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước theo từng nội dung chi.

UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện dự án, kế hoạch cùng với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và chế độ kế toán ngân sách xã (yêu cầu thuyết minh rõ về các nội dung quyết toán, chi tiết về số dự án, phương án sản xuất cộng đồng, kinh phí thực hiện...).

3. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (Dự án 1 - CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)

a) Trình tự thực hiện:

- UBND cấp xã giao cho Trưởng thôn/Bí thư chi bộ tổ chức họp thôn thông báo đến các hộ dân về điều kiện, nội dung của chính sách và định mức hỗ trợ. Đối với các hộ dân đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ có Đơn đăng ký hỗ trợ chuyển đổi nghề gửi UBND cấp xã (nếu có nhu cầu). Trong đơn cần thể hiện rõ đề nghị được hỗ trợ mua sắm máy móc, nông cụ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc học

nghề, chuyển đổi sang các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác; phương án thực hiện sau khi được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Căn cứ đề nghị của các hộ dân và quy định hiện hành, UBND cấp xã rà soát, tổng hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, nhu cầu chuyển đổi và phân loại theo từng phương thức thực hiện: mua sắm máy móc, nông cụ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp (nêu rõ về chủng loại, xuất xứ) hoặc học nghề, chuyển đổi sang các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác; định mức hỗ trợ gửi Phòng Dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Phòng Dân tộc chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan của huyện thẩm định, trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề, nội dung và định mức hỗ trợ cho từng hộ dân.

- Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề và định mức hỗ trợ đã được cấp UBND cấp huyện quyết định: UBND cấp xã/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Dân tộc (đối với nội dung hỗ trợ học nghề) thực hiện hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định hiện hành.

- Trường hợp chi hỗ trợ bằng tiền mặt để các hộ dân mua sắm máy móc, nông cụ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp:

- + Các hộ dân phải có cam kết mua máy móc, nông cụ để làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích chuyển đổi nghề, chi tiết về chủng loại, xuất xứ, công suất,...

- + UBND cấp xã chỉ thực hiện hỗ trợ sau khi các hộ gia đình đã mua máy móc, nông cụ: có Biên bản nghiệm thu, xác định về máy móc, nông cụ mua mới phù hợp với ngành nghề chuyển đổi theo cam kết (thành phần nghiệm thu gồm: đại diện UBND cấp xã, Trưởng thôn, đại diện tổ chức chính trị xã hội cấp xã, đại diện hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề).

b) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN:

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

c) Chứng từ quyết toán:

- Biên bản họp thôn.

- Đơn đăng ký đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề của các hộ dân thuộc đối tượng được hỗ trợ.

- Tờ trình của Phòng Dân tộc gửi UBND cấp huyện đề nghị Quyết định danh sách đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, nội dung và định mức hỗ trợ cho từng hộ dân (kèm theo Biên bản thẩm định, bao gồm đơn giá nếu là mua máy móc, nông cụ).

- Quyết định phê duyệt danh sách hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề và nội dung, định mức hỗ trợ của UBND cấp huyện.

- Quyết định giao dự toán kinh phí của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã hoặc đơn vị liên quan (tùy theo nội dung hỗ trợ).

- Quyết định giao dự toán của UBND cấp xã (trường hợp huyện cấp kinh phí về xã).

- Chứng từ, hóa đơn chi mua sắm máy móc, nông cụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, danh sách ký nhận máy móc, nông cụ của các hộ dân; Biên bản nghiệm thu, xác nhận máy móc, nông cụ của người dân với UBND cấp xã trong đó thể hiện rõ số liệu, chủng loại, sự phù hợp của máy móc, nông cụ đã mua với đơn đăng ký ban đầu của các hộ dân, việc sử dụng máy móc, nông cụ để chuyển đổi nghề...).

- Phiếu chi tiền mặt/Chuyển khoản thanh toán kinh phí mua sắm máy móc, nông cụ hoặc đào tạo nghề cho các hộ dân theo nhu cầu đăng ký và quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện kèm danh sách chi trả kinh phí NSNN hỗ trợ cho các hộ dân (có đầy đủ chữ ký).

- Đối với nội dung hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề: Chứng từ quyết toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016, Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính và các văn bản quy định của tỉnh.

d) Về mục quyết toán chi ngân sách:

- Hỗ trợ mua sắm máy móc, nông cụ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp: Hạch toán mục 7100, tiểu mục 7149.

- Hỗ trợ học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác: Hạch toán mục chi tương ứng theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước theo từng nội dung chi.

UBND cấp xã/Phòng Dân tộc/Đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cùng với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và chế độ kế toán ngân sách xã, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Yêu cầu thuyết minh rõ về các nội dung quyết toán, chi tiết về số đối tượng, nội dung, định mức hỗ trợ...).

4. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Dự án 1 - CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)

a) Trình tự thực hiện:

- UBND cấp xã giao cho Trưởng thôn/Bí thư chi bộ tổ chức họp thôn thông báo đến các hộ dân có khó khăn nước sinh hoạt về nội dung và định mức hỗ trợ của chính sách; yêu cầu các hộ dân có đơn đăng ký hỗ trợ nước sinh hoạt gửi UBND cấp xã (nếu có nhu cầu). Trong đơn ghi rõ về nhu cầu hỗ trợ: (1) Hỗ trợ lu, bồn, téc, vật dụng chứa nước theo dung tích, thể tích (có nguồn nước ổn định); (2) Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt để gia đình xây bể chứa nước, tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác.

- Căn cứ đăng ký của các hộ dân và quy định hiện hành, UBND cấp xã rà soát, tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (các hộ dân nhận lu, bồn, téc, vật dụng chứa nước, vật dụng chứa nước; tự làm bể chứa nước; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác). Đối với phương thức cấp phát bằng hiện vật cho các hộ dân cần dự toán chi tiết về chủng loại vật dụng chứa nước, dung tích, thể tích, đơn giá gửi Phòng Dân tộc.

- Phòng Dân tộc chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ:

+ Trường hợp cấp phát bằng hiện vật: Quyết định hỗ trợ phải cụ thể về danh sách hộ dân được hỗ trợ, chủng loại, dung tích, đơn giá...

+ Trường hợp hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt: Quyết định hỗ trợ phải cụ thể về danh sách hộ dân được hỗ trợ, nội dung và mức hỗ trợ.

- Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND huyện, UBND cấp xã hoặc Phòng Dân tộc hỗ trợ trực tiếp hoặc mua sắm hiện vật để cấp phát cho các hộ dân.

b) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN:

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

c) Chứng từ quyết toán:

- Đối với các hộ dân được cấp lu, bồn, téc, vật dụng chứa nước:

+ Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ của UBND cấp huyện;

+ Quyết định cấp kinh phí của UBND cấp huyện, cấp xã.

+ Các hồ sơ, chứng từ thực hiện mua sắm theo quy định hiện hành.

+ Biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng với từng hộ dân được hỗ trợ (có ký nhận của người đại diện hộ) và Phòng Dân tộc/UBND cấp xã được giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện.

- Đối với các hộ dân tự làm bể chứa nước, tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác (hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho hộ dân):

+ Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ, nội dung và mức hỗ trợ của UBND cấp huyện;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đối với từng hộ dân (thành phần gồm: đại diện UBND cấp xã, Trưởng thôn, có ít nhất một đại diện tổ chức chính trị - xã hội thôn, đại diện hộ gia đình được hỗ trợ) trong Biên bản cần thể hiện đầy đủ các nội dung: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, hình thức thực hiện; đánh giá về nguồn nước theo đăng ký của hộ dân, chất lượng thực hiện.

+ Bảng kê chi tiền hỗ trợ hộ gia đình theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

d) Về mục lục quyết toán chi NSNN: Hạch toán mục 7100, tiểu mục 7103.

Phòng Dân tộc/UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cùng với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và chế độ kế toán ngân sách xã (yêu cầu thuyết minh rõ về các nội dung quyết toán, chi tiết về số lượng, hình thức hỗ trợ, kinh phí thực hiện...).

5. Hỗ trợ kinh phí di chuyển cho các hộ dân từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư (Dự án 2 - CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN)

a) Nội dung và định mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Trình tự thực hiện:

- UBND cấp xã rà soát, tổng hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, nhu cầu hỗ trợ gửi Phòng Dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định.

- Phòng Dân tộc chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các Phòng, ban liên quan của huyện thẩm định, trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ.

- Căn cứ UBND cấp huyện quyết định, UBND cấp xã thực hiện hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định hiện hành.

c) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

d) Chứng từ quyết toán:

- Quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện;

- Đối với kinh phí di chuyển của các hộ thuê đơn vị vận chuyển:

- + Hóa đơn, Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa đơn vị vận chuyển và hộ dân (có ký nhận của người đại diện hộ).

- + Biên bản xác nhận việc di chuyển của hộ dân (có ký nhận của người đại diện hộ) với UBND cấp xã, trong đó ghi rõ thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, hình thức thực hiện; đánh giá sự phù hợp với Đề án đã được phê duyệt.

- + Bảng kê chi tiền hỗ trợ cho hộ gia đình theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với kinh phí di chuyển các hộ dân tự thực hiện:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành của từng hộ dân (có ký nhận của người đại diện hộ) và UBND cấp xã, trong đó ghi rõ thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, hình thức thực hiện; đánh giá sự phù hợp với Đề án đã được phê duyệt.

+ Bảng kê chi tiền hỗ trợ cho hộ gia đình theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

e) Về mục lục quyết toán chi NSNN: Hạch toán mục 7100, tiểu mục 7103.

UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ dân di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư cùng với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và chế độ kế toán ngân sách xã (yêu cầu thuyết minh rõ về các nội dung quyết toán, chi tiết về số lượng, hình thức hỗ trợ, kinh phí thực hiện...).

6. Tiểu dự án 1, dự án 3, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN (trợ cấp gạo theo Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh)

- Đối tượng được trợ cấp: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã, thị trấn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Khu vực III, II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh Hà Giang, có tham gia một trong các hoạt động sau: Trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ hoặc cây lâm sản ngoài gỗ có diện tích đất tối thiểu từ 0,3 ha tập trung trở lên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung; nhận khoán bảo vệ rừng; thực hiện bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được nhà nước giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

- Mức trợ cấp: 15 kg gạo/khẩu/tháng, loại gạo tẻ thường (Số khẩu của hộ gia đình được hỗ trợ là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú).

- Hình thức trợ cấp: Trợ cấp bằng tiền mặt tương ứng với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp (theo thông báo giá hàng tháng của cơ quan chuyên môn trên địa bàn huyện).

- Thời gian trợ cấp: Tối đa không quá 7 năm.

- Thời gian chưa tự túc được lương thực: Thực hiện theo hướng dẫn số 05/HD-SNN-KL ngày 11/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trường hợp các hộ gia đình được trợ cấp gạo từ nhiều chính sách khác nhau của nhà nước thì chỉ được nhận trợ cấp gạo từ một chính sách với định mức hỗ trợ cao nhất, không được nhận đồng thời các chính sách trợ cấp lương thực.

- Chứng từ quyết toán:

+ Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được trợ cấp gạo, số khẩu, số lần trợ cấp, mức trợ cấp từng lần, thời gian trợ cấp gạo/năm của UBND tỉnh;

+ Quyết định phê duyệt dự án trợ cấp gạo của UBND cấp huyện;

+ Quyết định giao dự toán kinh phí, Quyết định hỗ trợ của UBND cấp huyện;

- + Biên bản nghiệm thu các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.
- + Phiếu chi tiền; danh sách chi trả tiền theo mẫu số 06; Sổ theo dõi trợ cấp gạo theo mẫu số 07 tại hướng dẫn số 05/HD-SNN-KL ngày 11/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

7. Tiểu dự án 1, Dự án 9, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

7.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế

a) Đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

(1) Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm: Tối đa 10 triệu đồng/hộ/năm.

- Phương thức thực hiện: Hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, không thực hiện hỗ trợ theo dự án, phương án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Hình thức hỗ trợ: Bằng tiền hoặc hỗ trợ giống, vật tư, vắc xin phòng dịch bệnh (nếu hộ dân có đề nghị) nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ/năm.

- Chứng từ quyết toán:

+ Trường hợp hỗ trợ bằng tiền cho các hộ dân: Đơn đề nghị hỗ trợ của hộ dân; Biên bản họp thôn về kết quả rà soát, xác nhận đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ; Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng, nội dung, mức và hình thức hỗ trợ; Biên bản nghiệm thu xác nhận hộ gia đình đã mua giống cây trồng, vật nuôi, vật tư... để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; Phiếu chi tiền mặt kèm Bảng kê chi tiền hỗ trợ cho hộ gia đình theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính hoặc chuyển khoản.

+ Trường hợp hỗ trợ giống, vật tư, vắc xin phòng dịch bệnh... cho các hộ dân: Đơn đề nghị hỗ trợ của hộ dân; Biên bản họp thôn về kết quả rà soát, xác nhận đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ; Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng, nội dung, mức và hình thức hỗ trợ; hợp đồng, biên bản nghiệm thu, bàn giao, biên bản thanh lý hợp đồng; hóa đơn hoặc giấy biên nhận mua bán với người dân được UBND cấp xã xác nhận (trong trường hợp mua giống cây trồng, vật nuôi và hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất); hồ sơ chứng từ liên quan đến việc đấu thầu mua sắm (nếu thuộc đối tượng phải đấu thầu); bảng kê phát giống, vật tư... cho các hộ dân (có ký nhận của từng hộ dân).

(2) Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn và học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 1 và khoản 8, Điều 4 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(3) Hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Mức hỗ trợ: Tối đa 500 triệu đồng/mô hình/tổ hợp tác, trong đó chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại Khoản 13, Điều 4 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Căn cứ điều kiện thực tế của từng mô hình, tổ hợp tác; chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và dự toán được giao: UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không được vượt quá mức hỗ trợ tối đa nêu trên. Việc xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất vận dụng quy trình, thủ tục như Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất Tiểu dự án 2 - Dự án 3 của CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi, lựa chọn nội dung phù hợp. Không thực hiện thu hồi vốn của mô hình, tổ hợp tác.

- Chứng từ quyết toán:

+ Đơn đề nghị xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác của cộng đồng (nơi triển khai mô hình, tổ hợp tác).

+ Quyết định phê duyệt mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác của UBND cấp huyện (trong đó chi tiết về nội dung triển khai và mức hỗ trợ từ NSNN để thực hiện).

+ Chứng từ, hóa đơn theo quy định hiện hành đối với các nội dung chi triển khai thực hiện mô hình, tổ hợp tác.

b) Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn:

Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt (theo quy định tại điểm a khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

7.2. Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù

a) Nội dung và định mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 42 - Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Trình tự thực hiện:

(1) Đối với đối tượng thụ hưởng là bà mẹ mang thai, trẻ em dưới 5 tuổi (trừ nội dung hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập):

- Trạm Y tế xã tổng hợp danh sách bà mẹ mang thai được tư vấn, đến cơ sở y tế khám thai và thực hiện tầm soát, chẩn đoán một số bệnh tật bẩm sinh; trẻ em đến cơ sở y tế thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật bẩm sinh và điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng theo quy định, căn cứ hồ sơ có liên quan của các cơ sở y tế, đồng thời có xác nhận của UBND cấp xã gửi Trung tâm y tế cấp huyện.

- Trung tâm Y tế cấp huyện rà soát, tổng hợp và chủ trì phối hợp với Phòng Dân tộc, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách đối tượng, nội dung hỗ trợ và dự toán kinh phí.

- Căn cứ quyết định của UBND cấp huyện, Trung tâm Y tế cấp huyện thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định hiện hành.

(2) Đối với hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập:

- Cơ sở giáo dục mầm non công lập tổng hợp danh sách trẻ em đi học tại trường, có xác nhận của UBND cấp xã nơi trường học đóng chân gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Dân tộc, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng và dự toán kinh phí hỗ trợ (Giao kinh phí cho các cơ sở giáo dục).

c) Hồ sơ, chứng từ thanh toán với KBNN

Hồ sơ, chứng từ thanh toán tại KBNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

d) Chứng từ quyết toán:

- Quyết định phê duyệt đối tượng được thụ hưởng; Quyết định giao dự toán kinh phí của UBND cấp huyện đối với từng chính sách hỗ trợ liên quan cho các cơ quan, đơn vị.

- Hồ sơ, chứng từ thực hiện chi hỗ trợ liên quan đến bà mẹ mang thai:

+ Tổ chức hoạt động tư vấn: Danh sách đối tượng được tư vấn dinh dưỡng (chi tiết về: Họ và tên, địa chỉ, thời điểm thai kỳ, ngày tháng năm được tư vấn có chữ ký xác nhận của bà mẹ mang thai); Báo cáo kết quả tư vấn; Danh sách chi tiền cho người tư vấn (có ký nhận đầy đủ).

+ Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật khám, theo dõi và quản lý bà mẹ mang thai cho tới khi sinh con: Phân công nhiệm vụ; Sổ theo dõi số lần khám thai định kỳ cho tới khi sinh con; Danh sách chi tiền cho cán bộ y tế (có ký nhận).

+ Hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ trước, trong và sau sinh: Sổ theo dõi thai kỳ; danh sách chi tiền có chữ ký xác nhận của bà mẹ mang thai.

+ Hỗ trợ chi phí đi lại cho phụ nữ mang thai đến cơ sở y tế khám thai và thực hiện tầm soát, chẩn đoán một số bệnh tật bẩm sinh phổ biến: Căn cứ kết quả khám, tầm soát, chuẩn đoán của cơ sở y tế, phương tiện đi lại để xác định chi phí đi lại theo quy định hiện hành; Danh sách chi tiền hỗ trợ có chữ ký xác nhận của người hưởng.

+ Hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh con đúng chính sách dân số: Danh sách chi tiền có chữ ký xác nhận của đối tượng được hưởng.

- Hồ sơ, chứng từ thực hiện chi hỗ trợ liên quan đến trẻ em dưới 05 tuổi (trừ nội dung hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập):

+ Hỗ trợ 01 lần chi phí đi lại cho trẻ em đến cơ sở y tế thực hiện tầm soát các loại bệnh tật bẩm sinh: Căn cứ kết quả của cơ sở y tế, phương tiện đi lại để xác định

chi phí đi lại theo quy định hiện hành, Danh sách chi tiền hỗ trợ có chữ ký xác nhận của người hưởng.

+ Hỗ trợ điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng: Căn cứ bệnh án và chi phí điều trị của cơ sở y tế công lập; phiếu thu của cơ sở y tế công lập; Danh sách chi tiền hỗ trợ có chữ ký xác nhận của người hưởng.

- Hồ sơ, chứng từ hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cân đối hợp lý cho trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập:

+ Chứng từ/hóa đơn chi phí mua thực phẩm, sữa để đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cân đối hợp lý đối với các trẻ em thuộc đối tượng được hưởng.

+ Chứng từ nhập, xuất kho.

+ Danh sách trẻ em được hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng hàng tháng (kèm theo bảo chấm công hàng ngày).

- Sổ sách theo dõi theo quy định của Bộ Y tế tại các Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 về việc phê duyệt tài liệu "Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản"; Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 về việc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và các văn bản hướng dẫn khác của Sở Y tế (nếu có).

8. Kinh phí sự nghiệp thực hiện công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình.

8.1. Kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng.

- Lập dự toán kinh phí, nghiệm thu và quyết toán kinh phí bao gồm hạng mục, kinh phí do nhân dân đóng góp.

- Thành phần nghiệm thu: đại diện UBND cấp xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát cộng đồng xã; đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ thi công hoặc Hợp tác xã; các thành phần khác có liên quan do UBND cấp xã quyết định.

8.2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí:

a) Đối với Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Thực hiện theo quy định tại Điều 34, Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc; Điều 16, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Riêng đối với kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 17, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Riêng đối với kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 17, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

c) Lưu ý:

- Kinh phí sự nghiệp chỉ sử dụng cho sửa chữa nhỏ, tu bổ, bảo trì thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của công trình, không sử dụng cho xây mới, nâng cấp, cải tạo công trình (*sửa chữa trụ sở xã, thôn không thuộc nội dung chi từ nguồn kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình của 03 CTMTQG*).

- Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có); Hướng dẫn số 02/HD-STC ngày 10/11/2021 của Sở Tài chính, về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa công trình và thiết bị công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Thanh toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

9. Một số nội dung hướng dẫn khác

9.1. Đối với các nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng; chi công tác phí, chi tiếp khách; công tác phổ biến giáo dục pháp luật... TW giao cho địa phương quy định mức chi cụ thể, do đó áp dụng theo mức chi được quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh.

9.2. Một số lưu ý về thủ tục mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ

a) Đối với dự án được hỗ trợ theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị hoặc hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện như sau:

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng thực hiện, việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, chủ trì liên kết, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định;

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng;

- Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

b) Đối với việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản (thực hiện các nội dung còn lại trừ nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nêu trên): Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng, công nghệ thông tin; quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

9.3. Nguồn kinh phí bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên).

Trường hợp dự toán được giao cho cơ quan, đơn vị chủ trì đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực không đảm bảo để chi trả chi phí tiền ăn, đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho học viên thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) để cơ quan, đơn vị cử học viên thanh toán các khoản chi phụ cấp lưu trú, đi lại, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định.

9.4. Đối với Tiểu dự án 1, dự án 3, thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: Đối với nội dung khoản bảo vệ rừng theo hướng dẫn tại văn bản số 435/KBHG-KTNN ngày 08/8/2023 của KBNN tỉnh.

9.5. Thời điểm thực hiện các tiểu dự án, dự án lưu ý áp dụng theo điều, khoản chuyển tiếp đối với các văn bản sửa đổi, bổ sung.

10. Trong trường hợp Trung ương và tỉnh ban hành văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung các văn bản trích dẫn tại hướng dẫn này: sẽ thực hiện theo các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung đối với nội dung liên quan.

11. Văn bản này thay thế văn bản số 901/STC-QLNS&TH ngày 10/5/2023 của Sở Tài chính về trình tự thực hiện, hồ sơ, chứng từ thanh, quyết toán một số nội dung thuộc nguồn vốn sự nghiệp 03 Chương trình MTQG.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Lao động-TBXH, Ban Dân tộc;
- Sở NN&PTNT, VP Điều phối NTM;
- Sở, ban ngành của tỉnh;
- KBNN tỉnh, huyện;
- Phòng TC-KH các huyện, TP;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, QLNS&TH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phùng Thị Hoa